TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH ANGIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 11 – 4 – 2019

V/v ly hôn giữa chị Nhiều và anh Nam

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Sức

2. Ông Nguyễn Văn Ngân

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bùi Văn Trường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:

Ông Lê Hữu Đức – Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 4 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 445/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Nh – Sinh năm 1990 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 2, ấp Phú Tr, thị trấn Chợ V, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Nhựt N – Sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 25, ấp Phú Mỹ H, xã Phú Th, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/11/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Nh trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Vào ngày 13/02/2018 chị và anh Nguyễn Nhựt N tự

nguyện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Chợ Vàm, huyện Phú Tân và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13/2018 ngày 13/02/2018. Sau đó vợ chồng đến tỉnh Bình Dương làm công nhân, đến tháng 6/2018 phát sinh mâu thuẫn do anh N thường xuyên uống rượu và gây sự chửi chị, chị mang thai anh N cũng không quan tâm. Từ tháng 6/2018 đến nay chị và anh N ly thân. Nay tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Bị đơn là anh Nguyễn Nhựt N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến tham gia tố tụng, không gửi ý kiến bằng văn bản, nên không có lời khai.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hiếu Ng, sinh ngày 23/3/2018 chị Nhiều đang nuôi, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

- Về chia tài sản và nợ chung: Không có

Theo chị Nh trình bày mâu thuẫn vợ chồng có mẹ ruột của chị tên Huỳnh Thị M và mẹ chồng tên Nguyễn Thị Kim Ph biết, đề nghị Tòa án xác minh. Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị Nh và anh N, được bà Huỳnh Thị M có tường trình cho biết bà là mẹ ruột của chị Nh, vợ chồng Nh – N ly thân từ tháng 6/2018 đến nay do Nam không lo cho vợ con, thường xuyên uống rượu, Nh khuyên can nhưng không được, vợ chồng thường xuyên cự cãi, bà có khuyên can và hàn gắn cho vợ chồng nhưng không thành, do đó bà đề nghị Tòa án giải quyết cho Nh và N ly hôn.

Bà Nguyễn Thị Kim Ph là mẹ ruột của N cho biết, sau khi N – Nh làm đám cưới xong vợ chồng có sống chung với bà, sau đó vợ chồng đi làm ở tỉnh Bình Dương, Nh có điện thoại cho bà nói là N không lo làm ăn mà thường xuyên uống rượu nên vợ chồng cự cãi, bà có điện thoại nhắc nhở N và khuyên can vợ chồng nhiều lần, Tết năm 2019 Nam có về nhà bà có cho N biết Tòa án có mời N để giải quyết việc ly hôn thì Nam cho biết không đến Tòa án, không muốn sống chung với Nh và yêu cầu Tòa án cho ly hôn, bà đề nghị Tòa án cho Nh và N ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật, riêng anh Nguyễn Nhựt N là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy anh N chấp hành nghĩa vụ tố tụng dân sự chưa nghiêm. Về nội dung, hôn nhân giữa chị Nh và anh N là hợp pháp vì có đăng ký kết hôn, vợ chồng có thời gian ly thân, trong thời gian ly thân gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành, chị Nh xin ly hôn là có căn cứ;

về con chung, từ lúc ly thân đến nay chị Nh nuôi con, chị yêu cầu tiếp tục nuôi, không yêu cầu anh N cấp dưỡng, yêu cầu nuôi con của chị Nh phù hợp với Luật hôn nhân và gia đình. Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[2] Chị Phạm Thị Nh khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Nhựt N Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Nh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Nhựt N (là bị đơn) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Phạm Thị Nh và anh Nguyễn Nhựt N.

[3] Về nội dung:

[4] Hôn nhân của chị Nh và anh N là hợp pháp, vì anh chị có đăng ký kết hôn. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng vợ chồng mâu thuẫn và có thời gian ly thân, do anh N không quan tâm kinh tế gia đình, không chăm sóc vợ con, thường xuyên cự cãi, sau khi ly thân cha mẹ hai bên có hàn gắn nhưng không thành. Từ đó, cho thấy hôn nhân của chị Nh và anh N lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nh và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho ly hôn giữa chị Nh và anh N.

[5] Về nuôi con chung: Chị Nh yêu cầu tiếp tục nuôi 01 con tên Nguyễn Hiếu Ng, sinh ngày 23/3/2018, không yêu cầu anh N cấp dưỡng. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nh được tiếp tục nuôi cháu Ng. Chị Nh không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên anh N không phải cấp dưỡng.

[6] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và Gia đình anh N được quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này, vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về chia tài sản: Không có

[8] Về nợ chung: Ghi nhận chị Nh xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng

minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[9] Về án phí sơ thẩm, căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Nhiều phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Nh và anh Nguyễn Nhựt N.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao 01 con chung tên Nguyễn Hiếu Ng, sinh ngày 23/3/2018 cho chị Phạm Thị Nh trực tiếp nuôi dưỡng, hiện nay chị Nh đang nuôi. Anh Nguyễn Nhựt N không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Anh Nguyễn Nhựt N không trực tiếp nuôi con, anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Không có

Về nợ chung: Ghi nhận chị Nhiều xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị Nh phải chịu 300.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền số 0005358 ngày 20/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- UBND thị trấn Chợ Vàm;
- Lưu.

Hồ Thị Kim Phương